

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Trần Ngọc Đức

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:
Ông Ngô Chí Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24-3-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giáp Thị Hồng N, sinh năm 1995. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Trung H, sinh năm 1995. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Giáp Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trung H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 16/10/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại xã V, huyện Yên Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 2 năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng cũng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất

là từ tháng 3 năm 2020 chị cùng con đã về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang ở, đến tháng 5/2021 anh H xin chị cơ hội về đoàn tụ nên vợ chồng quay lại với nhau, sau khi quay lại thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn không cải thiện, không thể hàn gắn tình cảm được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Trung H.

Về con chung: Giữa chị và anh Trần Trung H có 01 con chung là Trần Trung Q, sinh ngày 11/12/2019. Từ khi sống ly thân thì chị bế cháu về ở cùng chị tại nhà mẹ đẻ chị ở Bắc Giang sinh sống. Sau đó tháng 5/2021 vợ chồng quay lại với nhau, hai vợ chồng cùng đi làm công ty ở Bắc Giang thì thống nhất cho cháu Quân về nhà ông bà nội chơi, đến tháng 12/2021 chị lại lên đón cháu về nhà ngoại, sau đó đến ngày 26/01/2022 (tức 24 âm lịch) anh H lại xuống đón cháu về nhà nội, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị làm đơn ly hôn thì anh H không cho chị gặp và đón con nữa. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Trung Q đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại chị đang làm nhân viên của Công ty TNHH Luxshare-ICT ở khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thu nhập bình quân là từ 13-15 triệu đồng/tháng. Hiện chị đang ở với bố mẹ, bố mẹ chị có nhà, đất. Chị đảm bảo đủ các điều kiện về kinh tế và chỗ ở để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 15 tháng 2 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Trần Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh ở thôn Đình, xã V, huyện Yên Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 3/2020 không biết vì lý do gì chị N bế con về nhà ngoại ở Bắc Giang, cắt đứt mọi liên lạc với anh, vợ chồng sống ly thân từ đó đến tháng 3/2021 vợ chồng quay lại với nhau và thuê nhà trọ ở huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang chung sống với nhau. Đến tháng 10/2021 anh nghỉ làm công ty ở Bắc Giang và về nhà ở cùng bố mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong chị N suy nghĩ lại quay về đoàn tụ với anh để nuôi dạy con cái. Nhưng đến nay chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Giữa anh và chị N có 01 con chung là Trần Trung Q, sinh ngày 11/12/2019. Từ tháng 3 năm 2020 chị N bế con về nhà ngoại ở, anh có xuống thăm con, sau đó tháng 5/2020 chị N và con vào Sài Gòn. Đến tháng 3/2021 chị N và cháu từ Sài Gòn về thì vợ chồng quay lại chung sống với nhau, sau khi quay lại thì vợ chồng thống nhất tháng 4/2021 gửi con về nhà ông bà nội để vợ chồng anh chị đi làm dưới Bắc Giang. Từ đó đến nay cháu Quân vẫn ở với ông bà nội, cho đến tháng 10/2021 anh nghỉ việc ở Bắc Giang thì về nhà bố mẹ ở cùng cháu.

Cháu Quân hiện nay còn nhỏ, chưa đi học. Khi anh đi làm, cháu ở nhà với

ông bà nội. Hiện nay anh đang làm công nhân ở xưởng gỗ tại khu 6, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình. Thu nhập bình quân 12-14 triệu đồng/tháng. Giờ giấc làm việc từ 6 giờ sáng đến 6 giờ tối, cũng có lúc làm tăng ca ban đêm. Hiện anh đang ở cùng bố mẹ đẻ trên nhà đất của bố mẹ và bố mẹ anh cũng tặng cho anh đất ở, đất rừng. Ly hôn, anh cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị Hồng N để xử cho chị N được ly hôn anh Trần Trung H. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Trung Q, sinh ngày 11/12/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Về án phí: Chị Giáp Thị Hồng N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Trung H có hộ khẩu thường trú tại thôn Đình, xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Hồng N và anh Trần Trung H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 16 tháng 10 năm 2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Anh H xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, đến nay chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn nên anh đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Giáp Thị Hồng N là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Giáp Thị Hồng N được ly hôn anh Trần Trung H.

[3] Về con chung: Chị Giáp Thị Hồng N và anh Trần Trung H có 01 con chung là Trần Trung Q, sinh ngày 11/12/2019. Chị N và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Quân.

Xét nguyện vọng của chị N và anh H về nuôi con chung thấy rằng: Hiện nay cả chị N và anh H đều có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Tuy nhiên hiện nay cháu Trần Trung Q còn nhỏ (chưa đầy 36 tháng tuổi). Hội đồng xét xử thấy rằng việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*”. Do đó, để đảm bảo mọi mặt sinh hoạt và tâm sinh lý của con, cần chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị N, giao cháu Trần Trung Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị Giáp Thị Hồng N và anh Trần Trung H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Giáp Thị Hồng N và anh Trần Trung H đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Giáp Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Hồng N được ly hôn anh Trần Trung H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Trung Q, sinh ngày 11/12/2019 cho chị Giáp Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Giáp Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại

biên lai số AA/2021/0001587 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận chị Giáp Thị Hồng N đã nộp đủ).

Chị Giáp Thị Hồng N và anh Trần Trung H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào